

a) Nếu là vật tư còn dùng được mà đơn vị không có kế hoạch hay không thể chuyển đi được thì giao lại cho Cục Cung cấp vật tư trị giá theo chất lượng còn lại của vật tư (trên cơ sở giá xuất kho của Cục Cung cấp vật tư). Cục Cung cấp vật tư sẽ hoàn lại vốn cho đơn vị sau khi giải quyết cấp phát được số vật tư trên, sau khi trừ mọi khoản chi phí về nghiệp vụ.

b) Nếu là vật tư không dùng được nữa, do Cục Cung cấp vật tư xác nhận thì đơn vị phải thành lập hội đồng được tổ chức bán tại chỗ cho cơ quan Mậu dịch (theo thông tư số 63-CP ngày 14-11-1960 của Hội đồng Chính phủ).

Đối với những vật tư cũ tháo ra trong các công trình trung, đại tu (như ray, tà vẹt tháo ra để thay mới) cũng giải quyết theo như đã nói trên.

Điều 16. — Đối với những vật tư chủ yếu do Nhà nước và Bộ quản lý, Cục Cung cấp vật tư phải nắm vững tình hình sử dụng, tình hình tồn kho mà thực hiện điều phối hoặc đề nghị điều phối khi cần thiết. Khi chưa có ý kiến của Cục Cung cấp vật tư, các Cục, Công ty, xí nghiệp, công trường không được bán, nhượng hoặc cho các cơ quan khác mượn. Trong trường hợp thuận tiện vận chuyển các Cục, Công ty chỉ có thể điều phối trong phạm vi Cục, Công ty mình. Việc điều phối ra ngoài Tổng cục đường sắt do Cục Cung cấp vật tư Bộ đảm nhận.

Điều 17. — Cục Cung cấp vật tư phải cung cấp những tài liệu về vật tư tồn kho, ứ đọng, và những vật tư thể phẩm mới trong nước sản xuất ra cho các cơ quan thiết kế, kỹ thuật.

Các cơ quan kỹ thuật, thiết kế phải căn cứ vào các loại vật tư trên mà nghiên cứu kỹ thuật thiết bị, quy định sử dụng vật tư cho thích hợp, đảm bảo chính sách sử dụng vật tư nói ở điều 1.

Các đơn vị sử dụng vật tư phải tính toán việc sử dụng vật tư cho sát, theo đúng chính sách tiết kiệm và chế độ sử dụng vật tư của Nhà nước, không được dùng ít xin nhiều, lấy dài cắt ngắn, lấy to xé nhỏ...

V. THẺ THỨC THANH TOÁN

Điều 18. — Việc cung cấp vật tư phải nhất thiết theo nguyên tắc nhận hàng phải thanh toán ngay. Đơn vị xin hàng phải có dự trữ kinh phí trước để đảm bảo cho việc thanh toán.

Điều 19. — Việc thanh toán, mua bán vật tư phải qua Ngân hàng Nhà nước hay ngân hàng kiến thiết theo các hình thức « Chi qua chuyển khoản » hoặc « nhờ thu nhận trả » trên cơ sở hợp đồng kinh tế và phiếu giao nhận hàng đã ký kết.

Điều 20. — Giá cả thanh toán theo giá của Nhà nước và Thương nghiệp đã ban hành.

Nếu chưa có giá chính thức thì áp dụng theo giá danh điểm của Bộ.

Điều 21. — Khi thanh toán, ngoài áp dụng giá cả theo quy định trên, Cục Cung cấp vật tư được

tính thêm một khoản phí lưu thông theo chỉ tiêu đã được duyệt. Đối với phế liệu, phế phẩm kể cả sắt thép cũ phải bán đúng theo giá của Nhà nước và Nội thương quy định; các phí tổn về nghiệp vụ được trích ở giá bán ra (trước khi trả lại cho đơn vị chủ quản).

VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. — Thông tư này thi hành kể từ ngày ký, Cục Cung cấp vật tư thuộc Bộ và Tổng cục đường sắt sẽ căn cứ thông tư này quy định danh mục, thể thức cụ thể và các biểu mẫu để hướng dẫn các đơn vị thi hành.

Trong lúc thi hành có gì khó khăn hoặc có những chỗ nào chưa hợp lý các đơn vị phát hiện, báo cáo về Bộ để Bộ hướng dẫn thêm hoặc sửa đổi cho thích hợp.

Hà nội, ngày 3 tháng 12 năm 1961

K.T. Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải

Thư trưởng

HỒNG XÍCH TÂM

BỘ LAO ĐỘNG

THÔNG TƯ số 27-LĐ/TT ngày 20-12-1961
ban hành bản quy tắc an toàn lao động
trong việc đào đất.

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG

Kính gửi: Các Bộ

Các Tổng cục Lâm nghiệp, Thủy sản, Địa chất và Bưu điện,

Các Ủy ban hành chính khu, thành phố, tỉnh,

Các Sở, Ty, Phòng Lao động.

Để ngăn chặn những tai nạn về sập đất xảy ra trên các công trường, ngày 18-6-1959 Bộ Lao động đã ban hành thông tư số 10/LĐ-TT cấm đào đất theo kiểu hàm ếch. Đến nay những tai nạn này đã giảm đi rõ rệt, nhưng nhìn chung tai nạn vì đào đất không đúng kỹ thuật còn xảy ra nhiều. Ngoài những tai nạn vì sập hàm ếch lẻ tẻ vẫn còn xảy ra ở những nơi chưa nghiêm chỉnh chấp hành thông tư trên, lối đào « thành vại », việc cắt ta-luy quá dốc v.v... cũng đã gây ra nhiều tai nạn đáng tiếc.

Hiện nay các công trường kiến thiết cơ bản phát triển nhiều, để những tai nạn như trên không xảy ra nữa, Bộ Lao động thấy chỉ cấm đào đất theo kiểu hàm ếch chưa đủ, mà cần phải quy định đầy đủ hơn về kỹ thuật an toàn trong việc đào đất để đảm bảo an toàn cho lao động. Bản quy tắc « an toàn

lao động trong việc đào đất» ban hành theo thông tư này nhằm mục đích trên, nó không đi sâu vào chi tiết của kỹ thuật đào đất mà chỉ quy định những nguyên tắc cơ bản và lối thiêu mà tất cả các công trường thuộc tất cả các ngành đều phải thực hiện để đảm bảo an toàn lao động. Mỗi ngành, mỗi công trường, tùy theo tính chất công tác và điều kiện làm việc của mình sẽ đề ra những biện pháp cụ thể và thích hợp để áp dụng đúng đắn các nguyên tắc trên.

Bộ Lao động đề nghị các Bộ, Ủy ban hành chính các khu, thành phố, tỉnh phổ biến rộng rãi bản quy tắc này và chỉ thị cho các công trường trực thuộc tổ chức cho cán bộ và công nhân học tập kỹ, để thấy được tính chất phức tạp của việc làm đất, không chủ quan coi thường, và phải thực hiện nghiêm chỉnh những điều đã quy định.

Riêng đối với công trường mới mở, nhất là các công trường có nhiều anh chị em mới ở nông thôn ra làm, hoặc có nhiều dân công, việc tổ chức cho anh chị em học tập bản quy tắc phải tiến hành trước khi đưa anh chị em ra hiện trường làm việc.

Các cơ quan Lao động địa phương có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Công đoàn để kiểm tra, đôn đốc các công trường thực hiện đúng đắn văn bản này, kịp thời ngăn chặn những vụ vi phạm và báo cáo cho Bộ biết những khó khăn mắc mứu để nghiên cứu giải quyết.

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 1961

K.T. Bộ trưởng Bộ Lao động

Thứ trưởng

NGUYỄN ĐẶNG

QUY TẮC

An toàn lao động trong việc đào đất

I. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. — Để đảm bảo an toàn lao động trong việc đào đất, Bộ Lao động ban hành bản quy tắc này (kèm theo thông tư số: 27/LĐ-TT ngày 20-12-1961).

Điều 2. — Trước khi giao cho công nhân đào đất, công trường phải tổ chức cho anh chị em học tập kỹ bản quy tắc để hiểu rõ và chấp hành đầy đủ những điều đã quy định.

Trong quá trình làm việc nếu có những tình hình hoặc yêu cầu về kỹ thuật khác cần phải giải quyết mà bản quy tắc này chưa đề cập tới thì phải do cán bộ phụ trách về kỹ thuật của công trường giải quyết.

Điều 3. — Cần đào đất ở nơi nào, cán bộ phụ trách về kỹ thuật của công trường phải thăm dò trước nơi đó để biết rõ chất đất, đặt phương pháp đào thích hợp, bố trí mọi phương tiện cần thiết

như dụng cụ làm việc, thiết bị an toàn, trang bị bảo hộ lao động và phải hướng dẫn kỹ cho công nhân đào để đảm bảo an toàn lao động. Khi đào ở chỗ nguy hiểm cán bộ kỹ thuật phải có mặt thường xuyên tại đó.

Điều 4. — Trước khi đào đất công nhân phải kiểm tra và sửa chữa lại dụng cụ làm việc tránh để những bộ phận bị long hoặc sắp gãy văng ra gây nên tai nạn.

Điều 5. — Ở những chỗ cần đào đất công trường phải có biện pháp làm thoát nước trên mặt để tránh cho đất khỏi bị sụt, lở.

Điều 6. — Tuyệt đối cấm đào đất theo kiểu hàm éch.

Điều 7. — Đào đất ở những nơi có dây điện ngầm, ban chỉ huy công trường phải nghiên cứu kỹ trước bản vẽ các đường dây để đặt kế hoạch đào an toàn. Khi đào phải có sự hướng dẫn tại chỗ của cán bộ hoặc công nhân kỹ thuật về điện.

Điều 8. — Đang đào đất nếu phát hiện thấy có các công trình ngầm như đường ống, dây cáp điện v.v... công trường phải đình chỉ ngay việc đào đất để điều tra cho rõ, báo cho cơ quan quản lý công trình đó biết và chỉ được tiếp tục đào khi người phụ trách có thẩm quyền của cơ quan nói trên đồng ý.

Điều 9. — Đang đào đất nếu gặp phải mỏm than hoặc hố than, công nhân phải đình chỉ ngay việc đào và báo cho cán bộ phụ trách trực tiếp biết để bố trí đủ dụng cụ làm việc và trang bị bảo hộ lao động cần thiết trước khi tiếp tục đào. Tuyệt đối không ai được tự tiện mở nắp quan tài ra hoặc chui vào hố than để đề phòng hít phải hơi độc.

Điều 10. — Ở những nơi có người đi lại, các hào, hố, đào, dõ, nếu nông thì về ban đêm phải đặt ván hoặc rào che miệng hố lại trước khi ngừng việc. Đối với những hố sâu (từ 1m50 trở lên) thì ban ngày phải đặt biển báo hiệu và ban đêm ngoài việc rào xung quanh còn phải đặt đèn đỏ báo hiệu.

Điều 11. — Phải tránh làm cầu qua lại trên các hố sâu đang đào dở dang. Nếu bắt buộc phải làm thì cầu phải có tay vịn vững chắc, phần ván cầu gối lên mép hố phải dài ít nhất 0m50. Ván làm cầu phải dày ít nhất 0m025 và không được dài quá 1m50 nếu không có cột hay vi dõ ở dưới. Cầu đi một chiều phải rộng 0m60, cầu đi hai chiều phải rộng từ 1m trở lên. Trong khi dưới hào, hố còn đang có người làm việc tuyệt đối không ai được chuyên chở nguyên vật liệu qua cầu.

Điều 12. — Đất đào lên phải đổ xa miệng hố từ 0m60 trở lên và nếu có nhiều đất thì phải đổ thành dốc thoải lớn nhất là 45 độ. Đối với những hố sâu, bộ phận thiết kế phải nghiên cứu để định cự ly đổ đất xa hơn, đảm bảo cho việc đi lại được thuận tiện và không làm cho miệng hào, hố bị sụt lở. Khi đào bên sườn núi phải có biện pháp ngăn cho đất khỏi lăn xuống dốc.

Điều 13. — Tuyệt đối cấm đứng hoặc ngồi trên miệng hoặc sát dưới chân thành hào, hố có vách

thẳng đứng đang đào dở, để nghỉ giải lao hoặc chờ đợi công tác. Trường hợp dưới chân thành hào, hố nổi trên có khoảng đất rộng thì có thể đứng hoặc ngồi ở dưới chân thành hào được. Nhưng phải đảm bảo một cự ly cách xa chân thành hào, hố một quãng ít nhất bằng chiều cao của thành công thêm 1m (Ví dụ: thành cao 3m, phải đứng hoặc ngồi cách xa chân thành 4m).

Điều 14. — Khi hào, hố đã đào tới độ sâu từ 2m trở lên thì không được để công nhân làm một mình. Phải bố trí để ít nhất có hai người cùng làm.

Điều 15. — Trong mỗi tổ làm việc cần bố trí đào và xúc xen kẽ nhau. Khi có người đang đào ở trên thì không được bố trí người xúc ở dưới mà phải bố trí đào một bên xúc một bên rồi luân chuyển để tránh tai nạn đá đất rơi phải người xúc.

Điều 16. — Trong quá trình đào hào, hố... người đào phải thường xuyên xem xét, vách đất và mặt đất phía trên. Nếu thấy có kẽ nứt hoặc hiện tượng đe dọa sạt lở khác thì phải đình chỉ việc đào, người phải lên hết hoặc tránh ra xa. Cán bộ kỹ thuật sẽ nghiên cứu kỹ các hiện tượng trên để đề ra những biện pháp giải quyết thích hợp. Đặc biệt sau mỗi trận mưa, cán bộ phụ trách trực tiếp việc đào đất phải kiểm tra lại các vách hào, hố trước khi để công nhân xuống đào tiếp.

Điều 17. — Phải làm bậc thang hoặc đặt thang chắc chắn có tay vịn để công nhân lên xuống khi đào hào, hố. Công nhân đi, lại phải nhẹ nhàng, tránh làm dất sụt lở.

Điều 18. — Các vách giữa thùng đấu máng nước và dòng sông phải dày ít nhất là 2m và vách phía sông phải lát gỗ để tránh nước sông xói thẳng vào đất làm lở vách. Trường hợp nước sông chảy mạnh mà vách giữa thùng đấu máng nước và dòng sông lại cao thì cán bộ kỹ thuật phải tính toán để vách được đủ dày và đủ vững, đảm bảo an toàn lao động.

Điều 19. — Trong khi đang làm việc nếu thấy có nguy cơ xảy ra tai nạn thì cán bộ phụ trách trực tiếp việc đào đất phải tạm thời đình chỉ việc đào và báo cáo ngay với ban chỉ huy công trường để quyết định biện pháp giải quyết.

II. KỸ THUẬT AN TOÀN VỀ ĐÀO ĐẤT

A. Đào thẳng vách (hình 1)

Điều 20. — Khi đào thẳng vách cần phải có ván để chống đỡ vách hào, hố trong những trường hợp sau đây:

a) Đào sâu quá 1m trong những loại đất mềm có thể đào bằng cuốc bàn.

b) Đào sâu quá 2m trong loại đất cứng mà phải dùng cuốc chim mới đào được.

c) Đào các chỗ thường xuyên có xe cộ qua lại hoặc ở những nơi mà xung quanh có máy chạy làm rung động.

d) Đào móng giáp móng của các công trình khác (Trong trường hợp này bộ phận thiết kế phải tính toán để chống đỡ chắc chắn móng của công trình cũ).

Khi đã đào được một khoảng sâu như đã quy định ở các điểm a và b mà muốn đào thêm nữa thì phải chống đỡ phen ván xong rồi mới được đào tiếp.

Đường đi lại để vận chuyển đất phải cách mép hố ít nhất 0m60.

Điều 21. — Nếu đất ở chỗ cần đào là một loại mềm hay là cát khô hạt nhỏ thì khi đóng ván chống phải đóng khít vào nhau và đóng khắp cả bề mặt của vách (có thể dùng phen nửa thay ván, trong trường hợp này cán bộ kỹ thuật phải tính toán để tăng cường đúng mức cột và ván chống). Ván phải cao hơn mặt đất 0m20.

Điều 22. — Nếu trên bờ hố cần xếp nguyên vật liệu thì khi làm ván chống phải tính toán để ván có đủ sức chịu thêm lực nén của vật ấy.

Điều 23. — Mặc dù đã có ván chống nhưng nền hố sâu quá 3m thì khi vận chuyển nguyên vật liệu xuống hố phải làm nhẹ nhàng, sỏi và bê-tông phải đưa xuống bằng máng hay phễu. Phải có hiệu coi hoặc hiệu lệnh thống nhất khác để báo trước cho những người làm việc dưới hào, hố biết khi chuyển nguyên vật liệu xuống và cán bộ kỹ thuật của đơn vị sản xuất phải trực tiếp điều khiển việc này. Người phải lên xuống bằng thang hay cầu giốc có bậc và tay vịn.

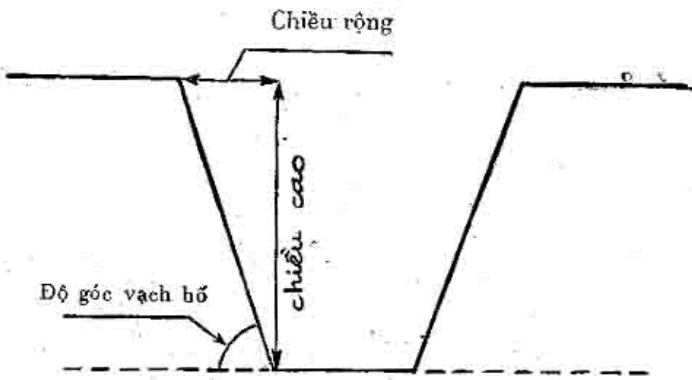
Điều 24. — Khi dỡ các cây chống ra để lấp hố lại, phải dỡ từ dưới lên. Dỡ đến mức nào phải lấp ngay đến mức ấy và không được dỡ quá kích thước cho mỗi lần như đã quy định ở các điểm a, b, điều 20 cho mỗi loại đất. Phải giao cho người quen việc, biết lối tiến, thoái khi đất trượt lở, làm công việc tháo dỡ ván chống. Đặc biệt đối với những nơi có đất cát dễ lở, cán bộ kỹ thuật phải có mặt tại nơi làm việc để hướng dẫn cho công nhân tháo dỡ ván chống.

Điều 25. — Không được để vật nặng lên cây chống hoặc dùng cây chống làm thang lên xuống.

B. Đào theo lối để thành nghiêng (ta luy) (hình 2)

Điều 26. — Muốn cho đất không trượt, lở, thành hào, hố, đào theo kiểu nằm nghiêng phải có góc nghiêng như sau:

Loại đất	Sâu dưới 3 mét		Sâu trên 3 mét	
	Độ góc vách hố	Tỷ lệ chiều cao so với chiều rộng	Độ góc vách hố	Tỷ lệ chiều cao so với chiều rộng
Đất rời rạc, cát, sỏi	39 độ	1/1, 25	34 độ	1/1, 50
Đất cát pha sét	56	1/0, 67	45	1/1
Đất sét pha cát	56	1/0, 67	53	1/0, 75
Đất sét	63	1/0, 50	56	1/0, 67

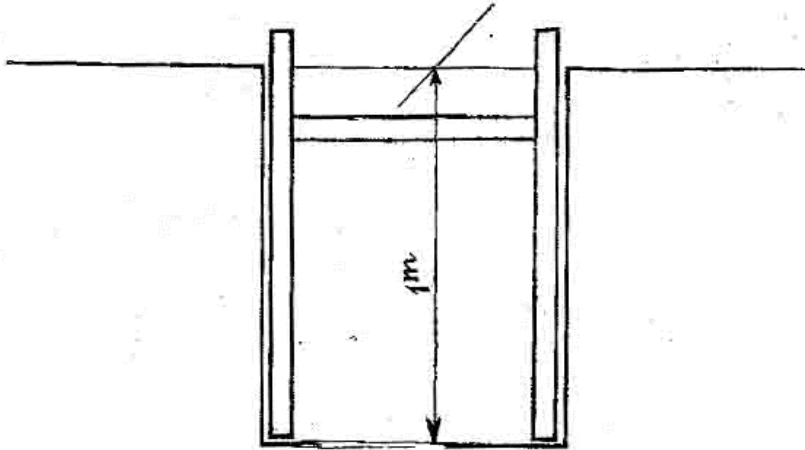


C. Đào theo hình bậc thang (hình 3)

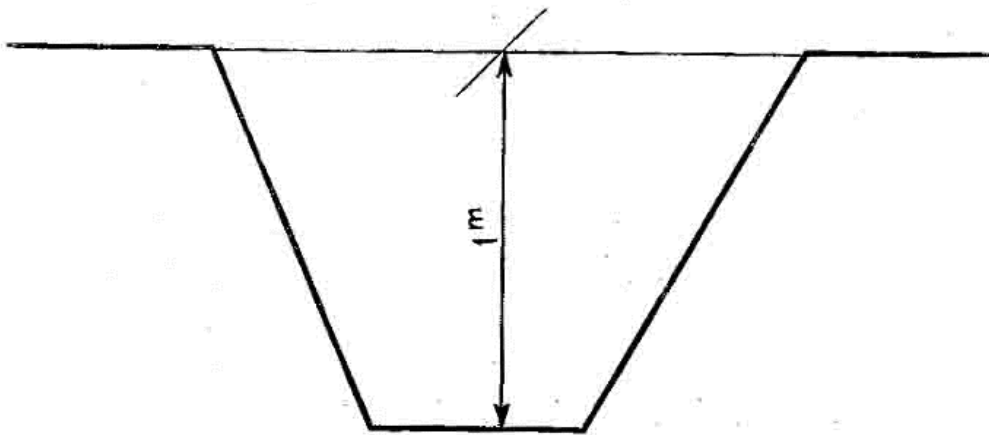
Điều 27. — Khi cần đào theo hình bậc thang, mỗi bậc không được cao quá 0m25 và mặt bậc phải rộng từ 0m35 trở lên để công nhân lên xuống được thuận tiện.

D. Đào giếng và hầm:

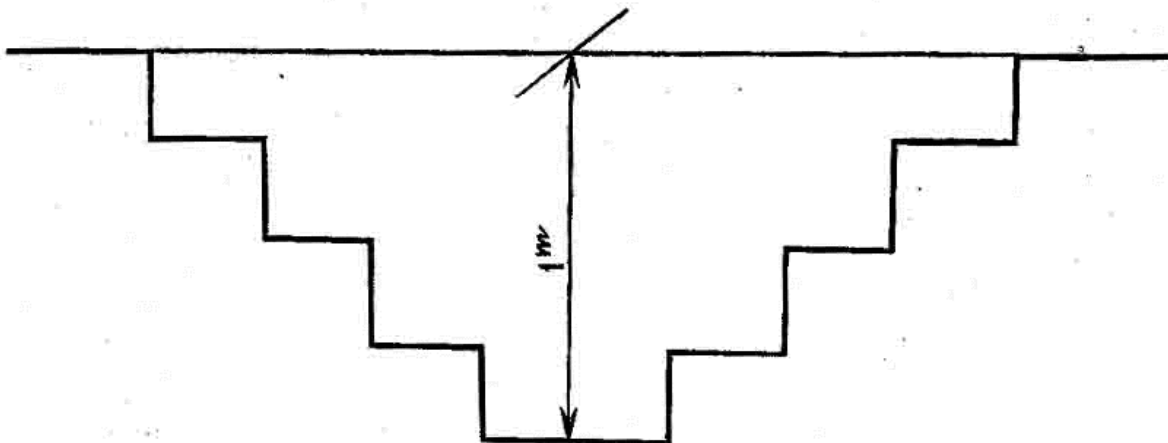
Điều 28. Những hố khoan và giếng sâu quá 2m phải có ván chống liền chung quanh thành và văng ngang hay có ống bê-tông (ống lù) cho dẫn xuống. Chứa có ván chống hay ống bê-tông không được đào sâu quá mức độ như đã quy định ở điều 20 cho từng loại đất.



Hình 1



Hình 2



Hình 3

Điều 29. Cấm hút thuốc láo và thuốc lá khi làm dưới giếng.

Điều 30.— Nhất thiết phải đặt thang hoặc làm bậc thang gắn liền vào thành giếng để công nhân xuống giếng hoặc từ đáy giếng lên bờ. Trường hợp đặc biệt phải dùng dây để đưa công nhân xuống giếng hay lên bờ thì dây phải có sức chịu đựng bằng 6 lần sức nặng của công nhân (cán bộ kỹ thuật phải kiểm tra lại chất lượng của dây trước khi để công nhân dùng).

Khi kéo dây phải dùng «tời» không được kéo bằng tay không. Đầu dây ở trên, khi dây thả xuống tới đáy giếng, còn phải cuộn ít nhất 5 hoặc 6 vòng vào trục «tời». Để trục «tời» không thể tự động quay ngược trở lại được, «tời» phải có chốt an toàn.

Điều 31.— Khi có việc phải làm ở lưng chừng giếng công nhân phải đeo dây an toàn móc vào thang hay buộc từ miệng giếng thả xuống.

Công nhân đào giếng phải có mũ cứng để phòng đất đá từ trên rơi xuống đầu.

Trong lúc công nhân làm việc dưới giếng phải có người canh gác ở miệng giếng để đề phòng mọi bất trắc có thể xảy ra.

Điều 32.— Đào giếng sâu quá 6m đối với đất rắn và 4m đối với đất mềm hay đào hầm lò phải có cán bộ kỹ thuật trung cấp trở lên phụ trách.

III. PHẠM VI ÁP DỤNG VÀ TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 33.— Bản quy tắc này thi hành cho tất cả các công trường có sử dụng công nhân và lao động đào đất thuộc tất cả các ngành. Tùy theo yêu cầu về kỹ thuật, về tính chất của những công việc đào đất khác nhau, các công trường sẽ dựa vào bản quy tắc này mà xây dựng những nội quy an toàn lao động cụ thể cho từng bộ phận, từng việc cho thích hợp với đơn vị mình.

Đối với những công trình nhỏ như đào móng, đào mương sâu không quá 1m thì có thể tùy theo tình hình thực tế chất đất của mỗi nơi mà nghiên cứu áp dụng không nhất thiết phải thi hành đầy đủ các điều khoản trong bản quy tắc này.

Điều 34.— Tất cả cán bộ quản lý, hướng dẫn sản xuất và công nhân, viên chức làm việc ở công trường đều phải học tập và thi hành nghiêm chỉnh bản quy tắc này.

Những người do thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc cố tình vi phạm các điều khoản quy định trong bản quy tắc để xảy ra tai nạn lao động sẽ bị thi hành kỷ luật hoặc truy tố trước tòa án theo luật pháp của Nhà nước.

Ban hành theo thông tư số 27-LĐ/TT
ngày 20 tháng 12 năm 1961

K.T Bộ Trưởng Bộ lao động

Thứ trưởng,

NGUYỄN ĐĂNG

BỘ NÔNG NGHIỆP

QUYẾT ĐỊNH số 37-NN/QĐ ngày 11-12-1961 quy định tổ chức Nhà xuất bản Nông thôn.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP

Căn cứ nghị định số 152/CP ngày 5-10-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Nông nghiệp;

Căn cứ quyết định số 27/NN-QĐ ngày 24-8-1961 mở rộng Nhà xuất bản Nông thôn thành cơ quan xuất bản chung của Ban công tác nông thôn trung ương, Bộ Nông nghiệp, Bộ Nông trường Quốc doanh, Bộ Thủy lợi và Điện lực, Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục Thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.— Nay quy định tổ chức Nhà xuất bản Nông thôn như sau:

- Chủ nhiệm
- Phòng biên tập
- Phòng quản lý xuất bản

Điều 2.— Nhiệm vụ của chủ nhiệm và các phòng.

Chủ nhiệm: Chịu trách nhiệm lãnh đạo thực hiện toàn bộ công tác của Nhà xuất bản về các mặt chính trị tổ chức, quản lý kinh doanh. Giúp việc chủ nhiệm có thể một hoặc hai phó chủ nhiệm.

Phòng biên tập:

- Nghiên cứu xây dựng dự án kế hoạch đề tài dài hạn, hàng năm, hàng quý, hàng tháng.
- Tổ chức công tác biên tập, thực hiện kế hoạch đề tài đã được cấp trên duyệt ý, đảm bảo chất lượng, nội dung và hình thức.

Phòng quản lý xuất bản:

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch in và phát hành của Nhà xuất bản theo kế hoạch đề tài.
- Tổ chức và thực hiện hạch toán kinh tế của Nhà xuất bản.
- Quản lý công tác hành chính, quản trị, nhân sự và công tác tuyên truyền của Nhà xuất bản.

Điều 3.— Phòng biên tập và phòng quản lý xuất bản có trưởng phòng chịu trách nhiệm và có phó phòng giúp việc trưởng phòng.

Tùy theo tính chất công tác, mỗi phòng có thể chia làm nhiều tổ có tổ trưởng phụ trách.

Điều 4.— Các ông Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Chủ nhiệm Nhà xuất bản Nông thôn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà nội, ngày 11 tháng 12 năm 1961

K.T. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp

Thứ trưởng

PHAN VĂN CHIÊU